

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 248/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 29 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường
không khí tỉnh Trà Vinh đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí;

Căn cứ Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 82/TTr-STNMT ngày 27 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Trà Vinh đến năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện

KẾ HOẠCH

Quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Trà Vinh đến năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường công tác quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thông qua kiểm soát các nguồn phát sinh khí thải, bụi, giám sát chất lượng môi trường không khí; tăng cường công tác dự báo, cảnh báo chất lượng môi trường không khí, nâng cao năng lực phòng ngừa, giảm thiểu phát thải khí thải nhằm đảm bảo sức khỏe cộng đồng, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp phát triển bền vững của tỉnh. Phấn đấu đưa tỉnh Trà Vinh trở thành địa phương có chỉ số chất lượng môi trường không khí luôn đạt mức tốt.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Kiểm soát, duy trì nồng độ các thông số TSP, PM_{2.5}, PM₁₀, SO₂, NO₂, CO, O₃, Pb nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT tại các khu vực quan trắc định kỳ, tiếp tục cải thiện chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

b) Giảm phát thải các thông số H₂S, NH₃ từ các khu vực bãi rác, công nghiệp và làng nghề chế biến thủy sản, phấn đấu đến năm 2025 đối với thông số H₂S: tỷ lệ % số mẫu vượt trên tổng số mẫu quan trắc theo kết quả quan trắc định kỳ không khí của tỉnh giảm xuống còn 10%; đối với thông số NH₃ giảm xuống còn 30%.

c) Kiểm soát nguồn điểm

- 100% cơ sở xả khí thải phải có hệ thống xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường không khí nghiêm trọng.

- 100% cơ sở thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục phải thực hiện đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

d) Kiểm soát nguồn di động

- Kiểm soát tốt nguồn khí thải từ hoạt động giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành ở Việt Nam và các quy định của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn Euro 4.

- Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng, nhất là vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; từ năm 2025, 100% xe buýt thay thế, đầu tư mới sử dụng

điện, năng lượng xanh.

- Khuyến khích tàu thuyền trên địa bàn tỉnh hoạt động nội địa tuân thủ đầy đủ các quy định của Phụ lục VI Công ước MARPOL về sử dụng hiệu quả năng lượng và Chiến lược giảm phát thải khí nhà kính từ tàu biển của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) từ năm 2025.

đ) Kiểm soát nguồn điện

- 100% công trình giao thông thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong thi công và vận chuyển nguyên vật liệu.

- Giảm thiểu việc đốt (rác thải, bao bì thuốc bảo vệ thực vật,...); giảm dần tỷ lệ đốt phế thải nông nghiệp sau thu hoạch, phấn đấu đến năm 2025 hạn chế tối đa việc đốt rơm rạ ngoài đồng; khuyến khích giảm tỷ lệ sử dụng than, củi sang dùng điện và gas trong hoạt động đun nấu.

- Giảm tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt; đóng cửa các bãi rác không còn khả năng tiếp nhận; nâng cấp mở rộng, cải tạo, phục hồi môi trường các bãi rác đang hoạt động đúng theo Đề án tăng cường năng lực và hạ tầng kỹ thuật thực hiện quản lý chất thải rắn được phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Phạm vi quản lý

Phạm vi quản lý chất lượng môi trường không khí thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh Trà Vinh.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn điểm

a) Không cho phép đầu tư, mở rộng quy mô các cơ sở, dự án thuộc nhóm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có lưu lượng khí thải phát sinh từ 100.000 m³/giờ trở lên trong khu đô thị, khu dân cư, ngoài khu/cụm công nghiệp.

b) Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, nâng cao hiệu quả xử lý, hoạt động của các lò đốt, các nhà máy xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh.

c) Thâm định chặt chẽ hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, hồ sơ cấp giấy phép môi trường, trong đó yêu cầu các cơ sở phát sinh, bụi khí thải phải thực hiện nghiêm việc đầu tư công trình, lắp đặt, vận hành thiết bị công nghệ xử lý đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định.

d) Rà soát, yêu cầu các cơ sở sản xuất thực hiện lắp đặt, vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường đúng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

đ) Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có phát sinh lưu lượng khí thải lớn như: Các nhà máy nhiệt điện, Công ty cổ phần Mía đường Trà Vinh, các lò đốt chất thải...; kiểm tra, thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm; đẩy mạnh phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan thanh tra và lực lượng cảnh sát môi trường.

e) Khuyến khích các cơ sở công nghiệp sử dụng nhiên liệu sinh học trong sản

xuất; nâng cao năng lực và đầu tư, đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất, xử lý khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi thải ra môi trường; áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống chứng nhận theo TCVN ISO 14001; phát triển, ứng dụng các công nghệ xử lý môi trường.

2. Các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn di động

a) Kiểm soát phát thải khí thải định kỳ đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông.

b) Tăng cường công tác quản lý đăng ký, đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ, đường thủy; loại bỏ các phương tiện không đủ điều kiện tiêu chuẩn khí thải (xe hết niên hạn sử dụng, xe tự chế,...); ứng dụng các công nghệ hiện đại trong quản lý, giám sát hoạt động đăng kiểm phương tiện.

c) Phát triển hệ thống giao thông vận tải công cộng theo hướng bền vững, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, hình thành thói quen sử dụng phương tiện giao thông công cộng của người dân.

d) Triển khai thực hiện hiệu quả chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí carbon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách đầu tư phương tiện sử dụng điện, nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường.

đ) Triển khai thực hiện tốt Quyết định số 2060/QĐ-TTg ngày 12/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

e) Kiểm soát, ngăn chặn các hành vi vi phạm về kinh doanh xăng dầu giả, kém chất lượng; thúc đẩy sử dụng nhiên liệu xăng E5 cho các phương tiện giao thông.

3. Các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn điện

a) Kiểm soát, ngăn chặn ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình thi công các công trình xây dựng trong đô thị, các công trình xây dựng hạ tầng giao thông.

b) Kiểm soát và ngăn chặn việc đốt rác, bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh. Triển khai các giải pháp hạn chế hoạt động đốt rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp; hướng dẫn thu gom, xử lý, chế biến phụ phẩm sau thu hoạch thành các sản phẩm có ích.

c) Đóng cửa các bãi rác đã quá tải, cải tạo, phục hồi môi trường các bãi rác đang hoạt động đúng theo Đề án tăng cường năng lực và hạ tầng kỹ thuật thực hiện quản lý chất thải rắn được phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Giám sát chặt chẽ công tác xử lý môi trường tại các bãi chôn lấp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh (như: công tác thu gom, xử lý nước rỉ rác, phun chế phẩm EM giảm mùi hôi), từng bước giảm thiểu xử lý rác thải sinh hoạt bằng hình thức chôn lấp.

đ) Đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung cho 2 làng nghề chế biến thủy sản thị trấn Mỹ Long và Xóm Đáy – xã Đông Hải nhằm giảm thiểu mùi phát sinh từ quá

trình phân hủy các chất ô nhiễm trong nước thải từ hoạt động sơ chế biên thủy sản tại làng nghề.

4. Công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức cộng đồng

a) Tuyên truyền, phổ biến cho các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn tỉnh thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng định kỳ đối với các phương tiện vận tải, đáp ứng các chỉ tiêu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình khai thác. Duy trì việc tập huấn phổ biến các chính sách, quy định của pháp luật về môi trường cho chủ doanh nghiệp và các nhân viên phụ trách công tác môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; phổ biến kiến thức về việc sử dụng năng lượng sạch, thân thiện môi trường thay thế nhiên liệu truyền thống.

b) Công khai thông tin về chất lượng không khí; tuyên truyền, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao nhận thức, kiến thức về ô nhiễm không khí, hình thành ý thức, thói quen trong cộng đồng sử dụng nhiên liệu xanh, sạch cho phương tiện giao thông, cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh và thay đổi thói quen tham gia giao thông, tăng cường sử dụng phương tiện công cộng, giảm sử dụng phương tiện cá nhân.

c) Tuyên truyền về tác hại của việc xử lý rác thải sinh hoạt bằng phương pháp đốt và vận động hộ gia đình, hộ kinh doanh nhỏ hạn chế sử dụng than, củi gây ô nhiễm môi trường thay thế bằng nhiên liệu sạch (điện, gas LPG) trong sinh hoạt tại khu vực dân cư và đô thị.

5. Nâng cao năng lực phòng ngừa, cảnh báo ô nhiễm môi trường không khí

a) Tiếp tục thực hiện tốt chương trình quan trắc môi trường định kỳ, tiến tới số hóa dữ liệu quan trắc, nâng cao năng lực giám sát, cảnh báo, dự báo chất lượng không khí xung quanh; đầu tư bổ sung mới trạm quan trắc không khí tự động trên địa bàn tỉnh, nhất là các khu vực đô thị, khu dân cư gần các nguồn thải lớn, đảm bảo phù hợp với quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia và đáp ứng các yêu cầu về quản lý, kiểm soát, nâng cao chất lượng môi trường không khí.

b) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy chế quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục được đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính theo quy định; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh.

d) Tiếp tục duy trì thực hiện hiệu quả mô hình 124 camera giám sát các điểm nóng về môi trường trên địa bàn tỉnh.

6. Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa và huy động sự tham gia của cộng đồng

a) Tăng cường nguồn ngân sách đầu tư trang thiết bị quan trắc tự động liên tục và quan trắc định kỳ, quản lý cơ sở dữ liệu về khí thải và chất lượng môi trường không khí.

b) Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xã hội hóa dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh công suất 500 tấn/ngày, với công nghệ đốt rác tiên tiến, hiện đại theo đề án tăng cường năng lực và hạ tầng kỹ thuật thực hiện quản lý chất thải rắn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/07/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Triển khai có hiệu quả một số chính sách ưu đãi đầu tư cho các dự án về môi trường; đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế tham gia đầu tư xử lý môi trường trên địa bàn tỉnh.

c) Khuyến khích đầu tư cho nghiên cứu khoa học nhằm đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng nhiên liệu trong các ngành công nghiệp nhằm giảm thiểu phát sinh khí thải; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý, quan trắc khí thải, sử dụng hiệu quả nhiên liệu.

d) Tăng cường triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, khuyến khích các cơ sở sản xuất sử dụng nhiên liệu sạch, đổi mới công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn để giảm thiểu phát thải khí thải.

(Đính kèm Phụ lục các chương trình, dự án thực hiện Kế hoạch).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu, nội dung, giải pháp của Kế hoạch này. Định kỳ trước ngày 31/12 hàng năm, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường; tổng hợp, tham mưu, đề xuất điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Kiểm tra, giám sát việc quản lý, vận hành hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục tại các cơ sở sản xuất thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động. Xử lý nghiêm các trường hợp có số liệu quan trắc khí thải vượt giới hạn cho phép theo quy định của pháp luật.

c) Duy trì thường xuyên tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc chất lượng không khí định kỳ trên địa bàn; công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí và cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

d) Tổ chức điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh.

đ) Thẩm định chặt hồ sơ môi trường đối với các dự án đầu tư có phát thải khí thải có khả năng gây ô nhiễm môi trường.

e) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tuyên truyền, phổ biến sử dụng nhiên liệu sinh học thay thế nhiên liệu hóa thạch; hướng dẫn các chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, trong đó có hạ tầng về bảo vệ môi trường.

b) Khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, ứng dụng công nghệ xử lý khí thải tiên tiến...

3. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát, đánh giá tình hình chấp hành pháp luật về kiểm soát bụi, khí thải của hoạt động giao thông trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm định khí thải đối với các phương tiện giao thông đường bộ, đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường; áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 5 đối với xe ô tô, xe mô tô 2 bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; áp dụng tiêu chuẩn khí thải của xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu theo Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch tăng cường kiểm soát khí thải đối với phương tiện xe máy theo định hướng của Bộ Giao thông vận tải.

c) Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí carbon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông sử dụng xăng sinh học; chỉ đạo các đơn vị ngành giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh đối với phương tiện, thiết bị, hạ tầng giao thông-

đ) Hướng dẫn, giám sát hoạt động thi công các dự án, công trình giao thông đảm bảo các quy định về an toàn giao thông và phòng, chống ô nhiễm môi trường.

4. Sở Xây dựng

a) Tham mưu, đề xuất quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đảm bảo tiêu chí về diện tích cây xanh, mặt nước trong đô thị; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng, đảm bảo chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình được xử lý theo đúng quy định.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan kêu gọi các nhà đầu tư có năng lực đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn bằng công nghệ hiện đại, hạn chế chôn lấp.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn kỹ thuật xử lý chất thải trong chăn nuôi nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi; hướng dẫn thu gom, xử lý phụ phẩm nông nghiệp theo hướng chuyên đổi thành sản phẩm có ích, tiến tới chấm dứt tình trạng đốt rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp sau mỗi vụ thu hoạch trên địa bàn tỉnh.

c) Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Phát triển bền vững một triệu héc-ta lúa chuyên canh chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng, phục hồi rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, tiết kiệm nhiên liệu... Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp quản lý, bảo vệ môi trường không khí phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Thực hiện thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ưu tiên các công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

7. Sở Y tế

Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các biện pháp bảo vệ sức khỏe trước tác động của ô nhiễm không khí; tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm từ các hoạt động đốt chất thải y tế của các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan thu hút, lựa chọn các dự án đầu tư phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường; các dự án sử dụng công nghệ sạch, hiện đại, sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường, giảm thiểu phát thải khí thải ra môi trường; không cho phép đầu tư vào các loại hình sản xuất, sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường không khí theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc cân đối, bố trí ngân sách tỉnh cho các dự án, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sử dụng nguồn vốn đầu tư công để thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

9. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, dự án thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về chất lượng môi trường không khí, tác động của khí thải đến sức khỏe con người.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo

Lồng ghép các nội dung về bảo vệ môi trường không khí, nguy cơ và tác hại của ô nhiễm không khí tới sức khỏe con người vào nội dung đào tạo, các buổi sinh hoạt ngoại khóa nhằm nâng cao hiểu biết của học sinh, sinh viên.

12. Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan thu hút, lựa chọn các dự án đầu tư phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường; không cho phép đầu tư vào các loại hình sản xuất, sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường không khí theo thẩm quyền quản lý.

b) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong khu kinh tế và các khu công nghiệp; nhất là các cơ sở phát thải ô nhiễm không khí có nguồn phát sinh khí thải lớn trên địa bàn tỉnh; và kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật (nếu có).

c) Yêu cầu, hướng dẫn các đơn vị sản xuất trong các khu kinh tế, khu công nghiệp thực hiện triệt để việc thu gom, xử lý bụi, khí thải đảm bảo chất lượng khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải.

d) Thực hiện kiểm kê nguồn khí thải đối với các doanh nghiệp sản xuất trong khu kinh tế/khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý.

13. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm soát các phương tiện lưu thông trên đường thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

b) Tăng cường công tác đấu tranh phòng chống các hành vi gây ô nhiễm không khí trong hoạt động sản xuất và trên các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý đối với các tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm về gây ô nhiễm môi trường không khí.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý, bảo vệ môi trường không khí tại địa phương. Tuyên truyền, nâng cao kiến thức về tác hại ô nhiễm không khí đến cộng đồng, hướng dẫn và vận động người dân hạn chế đốt rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp sau mỗi vụ thu hoạch, tận dụng thành các sản phẩm có ích; từng bước hình thành ý thức, thói quen hạn chế, không sử dụng than, củi gây

ô nhiễm môi trường trong sinh hoạt tại khu vực dân cư, đô thị.

b) Kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân, sản xuất kinh doanh trên địa bàn, nhất là các cơ sở có nguồn phát sinh bụi, khí thải lớn, có nguy cơ cháy nổ cao chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, xử lý vi phạm theo quy định. Kịp thời phản ánh thông tin về ô nhiễm, sự cố môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh theo quy định.

c) Xây dựng và thực hiện Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn quản lý theo quy định.

d) Tăng cường công tác vệ sinh đường phố tạo cảnh quan luôn xanh - sạch - đẹp, đối với các địa phương đã đạt tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao tiếp tục duy trì và phấn đấu lên mức cao hơn.

đ) Tiếp tục duy trì, phát huy hiệu quả mô hình camera giám sát các điểm nóng về môi trường trên địa bàn quản lý; theo dõi, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm về lĩnh vực môi trường.

e) Thực hiện đóng cửa các bãi rác đã quá tải; cải tạo, phục hồi môi trường các bãi rác trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý theo Đề án tăng cường năng lực và hạ tầng kỹ thuật thực hiện quản lý chất thải rắn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021.

g) Nghiên cứu, đề xuất đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung cho 2 làng nghề chế biến thủy sản thị trấn Mỹ Long và Xóm Đáy – xã Đông Hải nhằm giảm thiểu ô nhiễm mùi tại làng nghề.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tác động của ô nhiễm môi trường không khí; vận động các đoàn viên, hội viên và nhân dân chấp hành các quy định của Luật bảo vệ môi trường; tham gia các hoạt động, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương.

b) Chủ động, phát huy vai trò giám sát, phát hiện và phản ánh về các hành vi gây ô nhiễm không khí trong các hoạt động sản xuất, trên các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh đến các cấp, các ngành để kịp thời xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường không khí, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường không khí.

Các sở, ban, ngành, địa phương chủ động, phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ trước ngày 15/12 hàng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các sở, ngành và địa phương phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.